

Bản án số: 102/2019/HS-ST
Ngày 08/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2019/TLST-HS ngày 04/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-HS ngày 28/10/2019 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T1, sinh ngày 09/3/1988 tại xã X, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc L (sinh năm 1954) và bà Vũ Thị N (sinh năm 1965); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01, Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” thời hạn 24 tháng kể từ ngày 28/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, ngày 28/8/2018 chấp hành xong; Nhân thân: Ngày 10/02/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản, quá trình chấp hành án được giảm đến ngày 19/01/2010 chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 31/3/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 01 năm tù về tội cướp giật tài sản, đến ngày 21/9/2011 chấp hành xong hình phạt; Ngày 09/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, quá trình chấp hành án được giảm 02 tháng đến ngày 29/01/2016 chấp hành xong hình phạt; Bị tạm giữ từ ngày 21/7/2019 đến ngày 24/7/2019 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy. (Có mặt)

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968; Trú tại: Xóm A, xã X, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Vũ Tiến D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Lê Xuân H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Trần Văn C2, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị T2, anh C1, anh D, anh H, anh C2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc T1 là đối tượng nghiện ma túy, sau khi chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc năm 2018, Trường về địa phương và được Nguyễn Hữu C1, là người làm nghề thu mua phế liệu rủ đi cưỡng đoạt tài sản của những người thu mua phế liệu khác trên địa bàn huyện Thái Thụy. Ngoài Trường còn có Lê Xuân H, Trần Văn C2, Vũ Tiến D cũng được C1 rủ đến nhà cùng nhau bàn bạc. Tất cả đều nhất trí với thủ đoạn mà C1 đưa ra là H và C2 sẽ đi đến nhiều địa điểm thu mua phế liệu trên địa bàn huyện Thái Thụy để theo dõi xe ô tô đến thu mua phế liệu tại các bãi phế liệu, sau đó thông báo để C1 biết rồi cùng nhau đi đến bắt ép, đe dọa chủ bãi phế liệu và các chủ xe đến thu mua phế liệu phải cắt phần trăm (nộp tiền) theo đầu cân bao bì, phế liệu hoặc hàng tháng nộp một khoản tiền nhất định cho C1, nếu không sẽ bị nhóm của C1 cản trở, gây khó khăn khi thu mua phế liệu. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, C1 là người trực tiếp đứng ra đe dọa bị hại và nhận tiền, còn H, C2, Dũng và T1 đi cùng để lấy số đông áp đảo những bị hại đó để họ sợ hãi phải nộp tiền cho C1. Với phương thức, thủ đoạn đó, vào sáng ngày 27/9/2018, C1 biết chị Nguyễn Thị T2 đang thu mua phế liệu, vỏ lon bia và nhựa tại bãi phế liệu ở thôn P, xã S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình của gia đình chị Nguyễn Thị V nên C1 đã điện thoại cho H, C2, D đi xe máy đến trước còn C1 cùng T1 đi xe ô tô của Nguyễn Văn H đến sau. Khi đến nơi, tất cả vào trong nhà chị V ngồi uống nước còn C1 bảo T1 gọi chị T2 lên xe ô tô gặp C1. Khi chị T2 lên xe, chỉ có hai người, C1 đã đe dọa yêu cầu chị T2 phải nộp 10.000.000 đồng. Do sợ hãi nên chị T2 đồng ý và vay của chị V 5.000.000 đồng đưa trước cho C1. Sau khi nhận tiền, C1 gọi H, C2, D và T1 lên xe ô tô rồi bảo anh H chở sang huyện P chơi, không nói cho mọi người biết là lấy được bao nhiêu tiền.

Sau khi phạm tội, C1, H, C2 và D đã bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử bằng bản án số 39/2019/HSST ngày 29/5/2019 về tội Cưỡng đoạt tài sản. Còn T1 trốn khỏi địa phương đến ngày 21/7/2019 thì bị Công an thành phố Hải Phòng bắt theo lệnh truy nã. Quá trình điều tra và truy tố, Phạm Ngọc T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 103 ngày 03/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc T1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và diễn biến sự việc như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái và rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có thể trở thành người công dân có ích với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của người bị hại, người làm chứng tại phiên tòa: Xét thấy những người trên đã được triệu tập hợp lệ, tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại và người làm chứng.

[2] Về hành vi và quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của những người làm chứng như Bùi Hữu C1, Lê Xuân H, Trần Văn C2, Vũ Tiến D, người bị hại chị Nguyễn Thị T2 cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Phạm Ngọc T1 đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản

"1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tổn hại về tinh thần cho người bị hại mà còn thể hiện sự liều lĩnh, gây bức xúc trong nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người đã thành niên,

có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, có nhận thức pháp luật và xã hội nhất định, nhận thức được việc đe dọa sẽ dùng vũ lực, ngăn cản việc làm ăn để uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bất chấp hậu quả, coi thường pháp luật, thiếu sự rèn luyện, tu dưỡng bản thân, không biết nỗ lực lao động lương thiện để nuôi sống bản thân, giúp đỡ gia đình mà lại dùng thủ đoạn chiếm đoạt tài sản của người khác để kiếm tiền nhanh chóng nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân.

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, mặc dù quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Hữu C1 có bàn bạc và phân công nhiệm vụ cho Lê Xuân H, Trần Văn C2, Vũ Tiến D và Phạm Ngọc T1 nhưng không mang tính tổ chức. C1 là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi đe dọa, nhận tiền còn H, C2, D và T1 đi cùng để lấy số đông áp đảo để bị hại sợ quá phải đưa tiền cho C1. Bị cáo tuy chỉ giữ vai trò đi theo lấy số đông uy hiếp tinh thần bị hại để C1 trực tiếp đe dọa, chiếm đoạt tiền của bị hại, nhưng là đối tượng nghiện ma túy, có một tiền sự, nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án xét xử về các tội phạm xâm phạm sở hữu, lần này lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần răn đe, đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung, là bài học cho bộ phận thanh niên trẻ lười lao động trong xã hội, sống dựa trên sức lao động chính đáng của người khác.

[7] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bản án số 39/2019/HSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tuyên buộc Nguyễn Hữu C1 phải trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho chị Nguyễn Thị T2 nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về các vấn đề khác: Tài liệu điều tra còn thể hiện chiều ngày 21/9/2019, T1 được C1 rủ đi chơi bằng xe ô tô, mục đích của C1 là đi cưỡng đoạt tài sản nhưng không nói cho T1 biết. Khi đến cổng L thuộc địa phận xã L, một mình C1 xuống xe và gọi điện cho anh Phan Văn P, sinh năm 1981, trú tại thôn H, xã P, huyện Thái Thụy để ép buộc đưa tiền và C1 đã lấy của anh P số tiền 36.000.000 đồng. Ngoài ra vào ngày 29/9/2018, Chi gọi điện cho anh Đào Văn T3, sinh năm 1972, trú tại thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Thái Bình để yêu cầu lấy 5.000.000 đồng, anh T3 nói không có tiền nhưng do sợ hãi nên anh T3 vẫn hứa đưa cho C1 2.000.000 đồng. Sau đó C1 nhờ T1 đi lấy hộ. Do C1 nói là tiền vay mượn và T1 cũng không biết đó là tiền do C1 đe dọa cưỡng đoạt nên T1 cùng H sang nhà anh T3 lấy 2.000.000 đồng về đưa cho C1. Do T1 không biết hành vi cưỡng đoạt tài sản của C1 trong hai lần phạm tội này nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T1 là phù hợp.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự; bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc T1 phạm tội " Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21 tháng 7 năm 2019.

2. Về án phí:

Bị cáo Phạm Ngọc T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/11/2019 , bị hại có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- UBND xã Thái Xuyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình
- Lưu HCTP
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh